CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2023

CTCP Xây dựng số 3 Hải Phòng

Ngày 15/01/2024	27,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-9.8%	**-3.6%**	**-9.2%**

DT thuần
Q4/23
16.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.30| 2.1%
YoY: ▼0.70| -4.0%

LN thuần
Q4/23
11.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.20| -21.9%
YoY: ▼3.30| -22.5%

LN sau thuế
Q4/23
10.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.80| -14.6%
YoY: ▼3.60| -25.5%

Tỷ lệ lãi EBIT
2023
101%
YoY: +/-▲ 17.5%

ROE
2023
8.4%
YoY: +/-▲ 2.8%

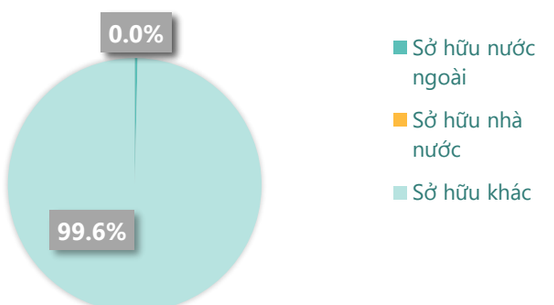
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	24,797 - 35,370
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	559
Số lượng CPLH (CP)	20,685,717
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5,757
Sở hữu nước ngoài	0.4%
Beta	(0.09)
EPS	2,834
P/E	10.9

DT thuần
2023
61.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 9.00| 17.0%

LN thuần
2023
67.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 28.6| 74.1%

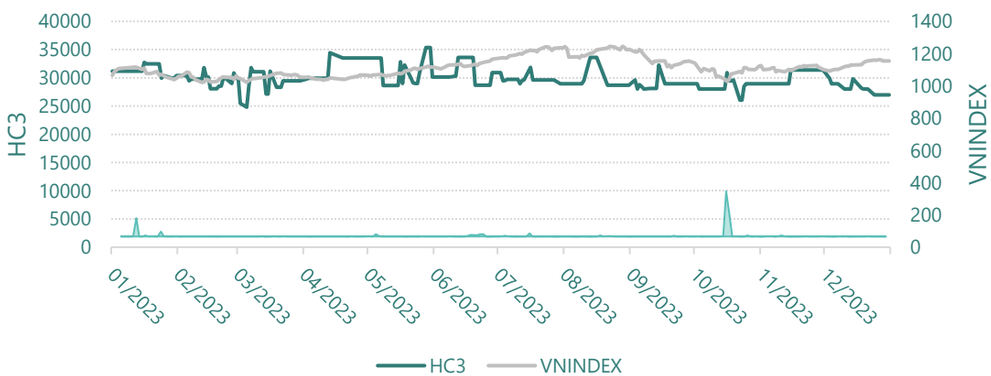
LN sau thuế
2023
58.6
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 19.7| 50.8%

Cơ cấu sở hữu

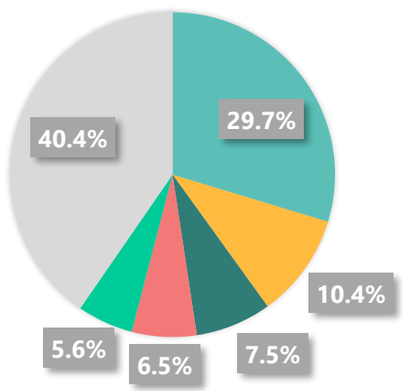


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



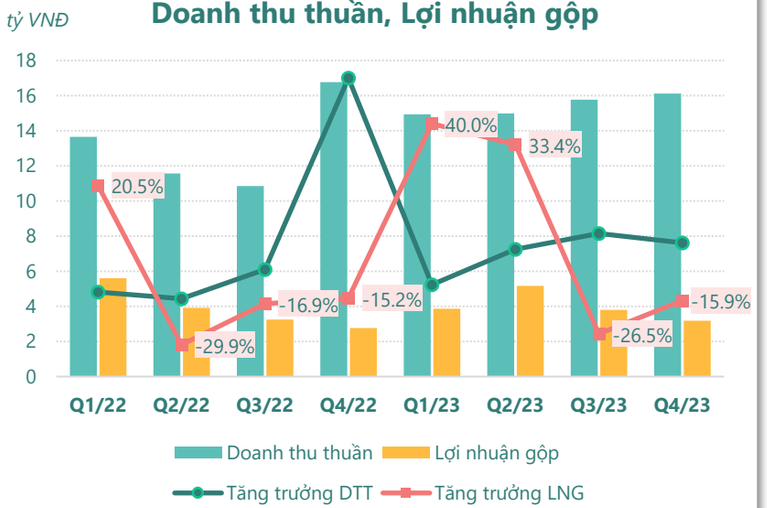
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

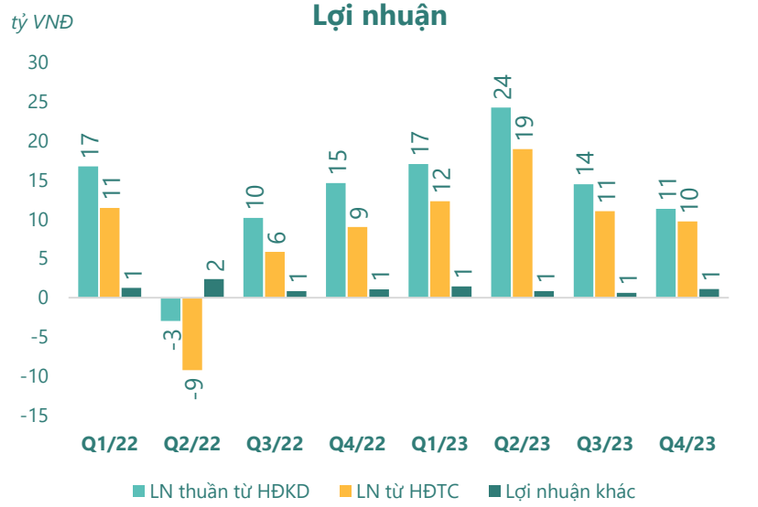
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



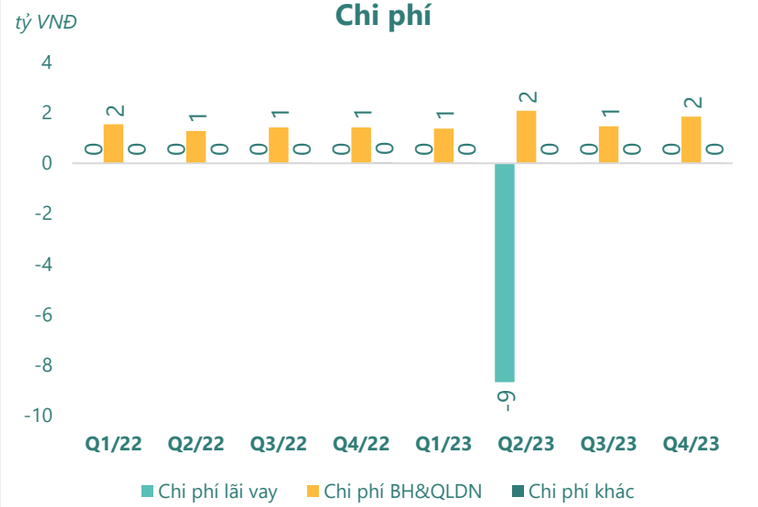
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



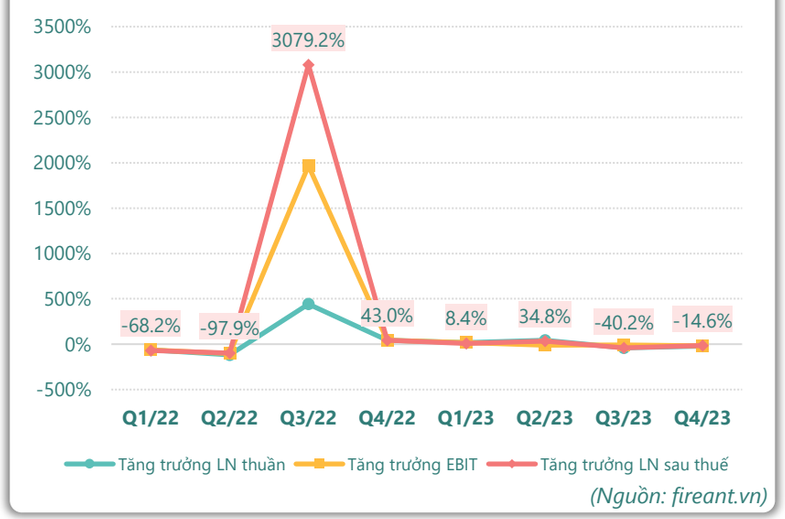
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



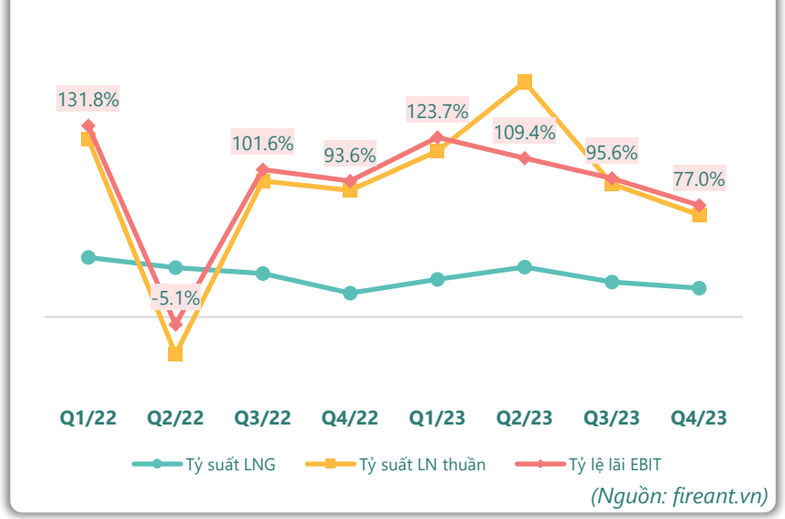
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

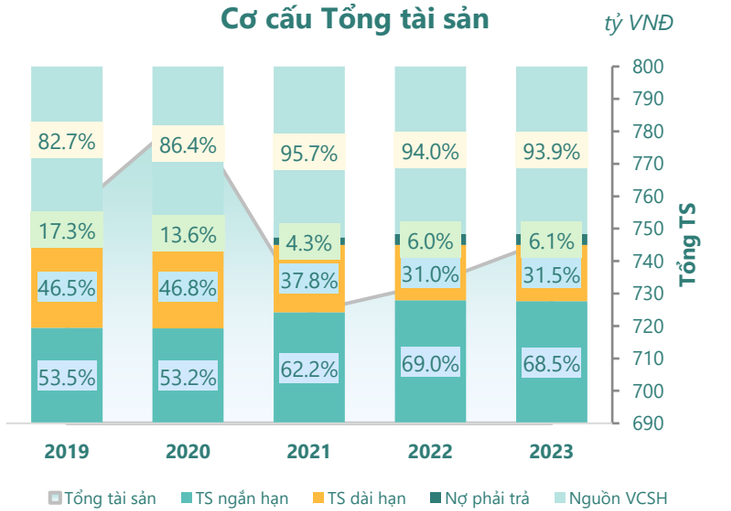
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

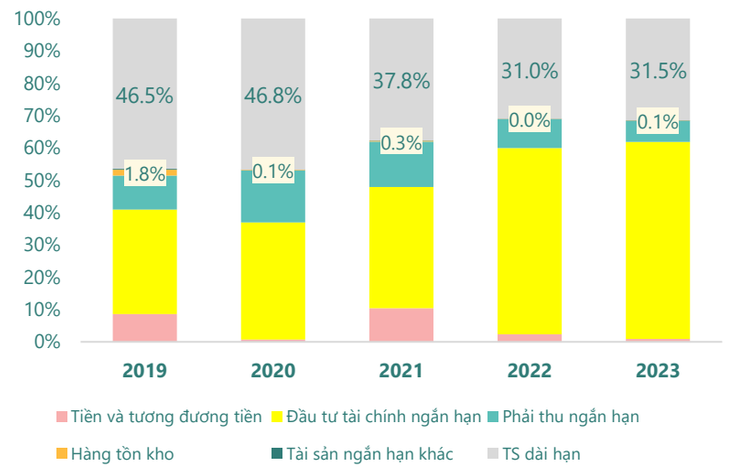
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



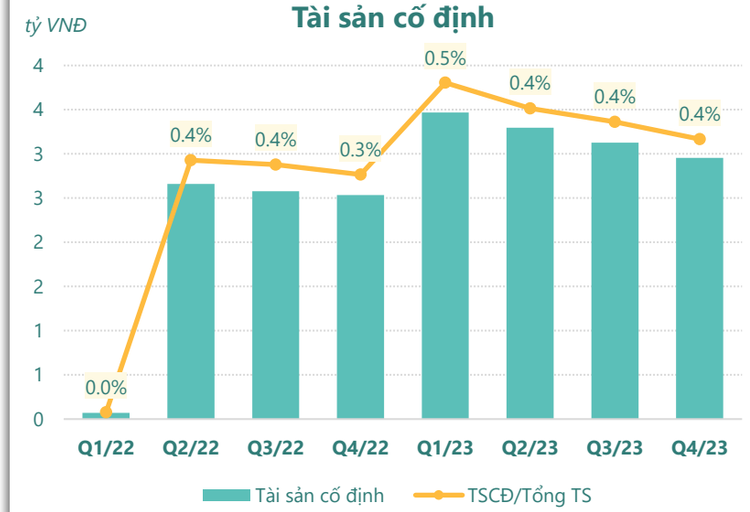
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



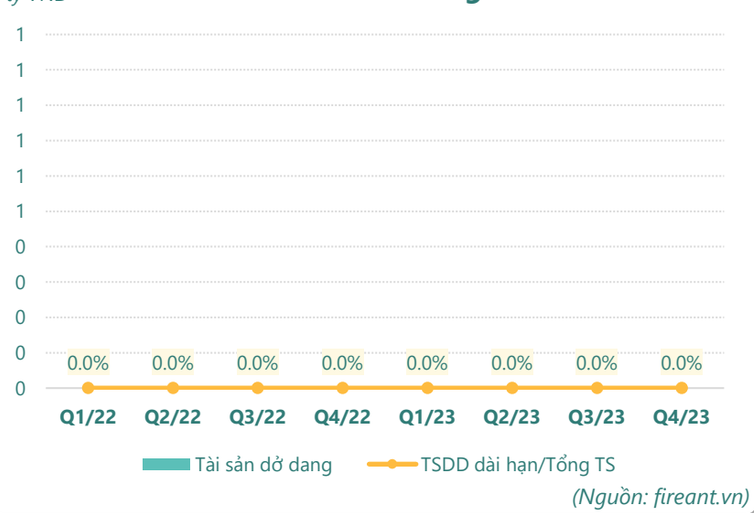
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



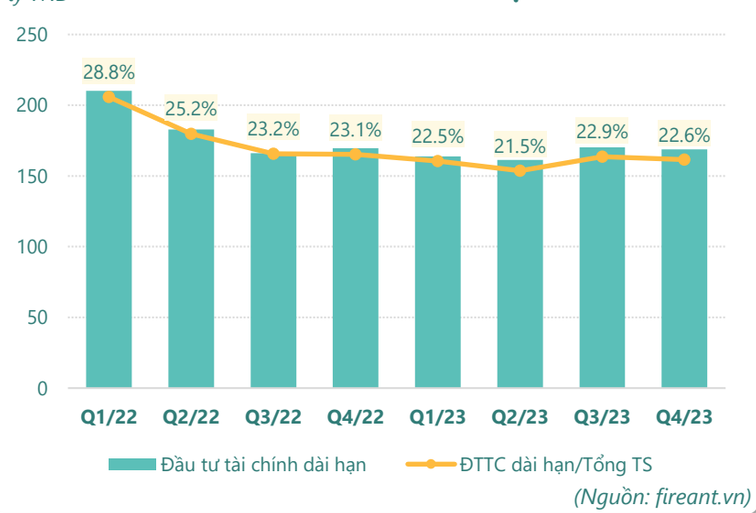
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



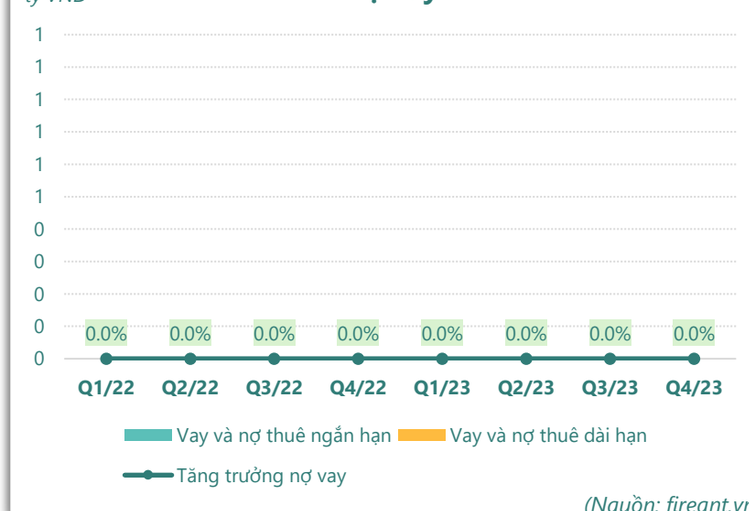
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

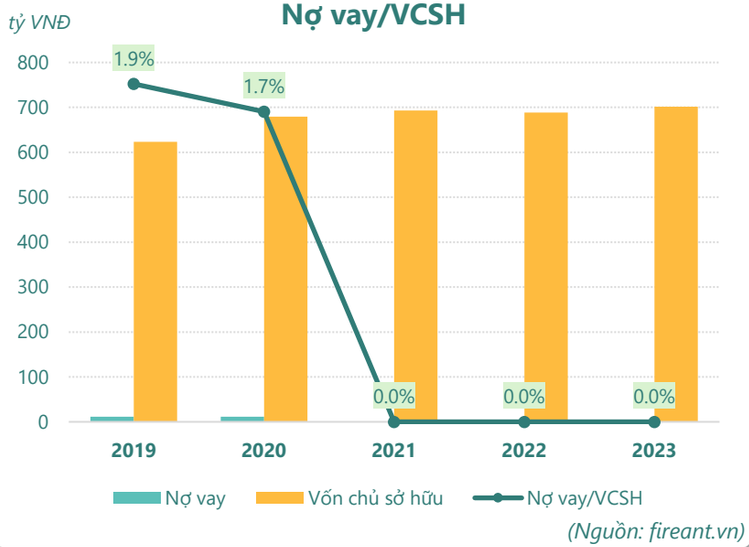
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

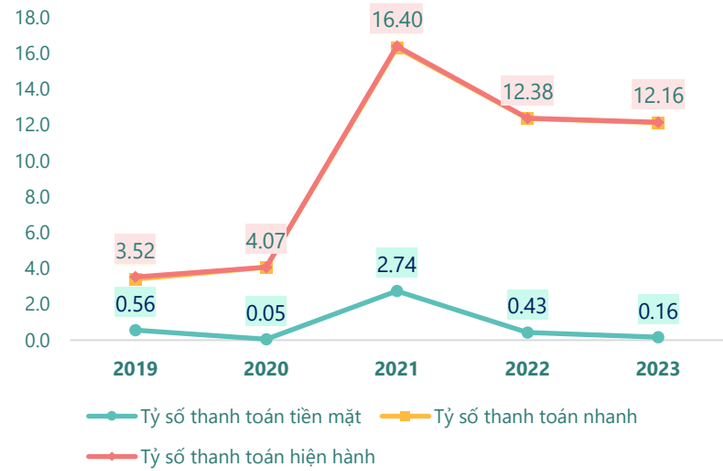
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



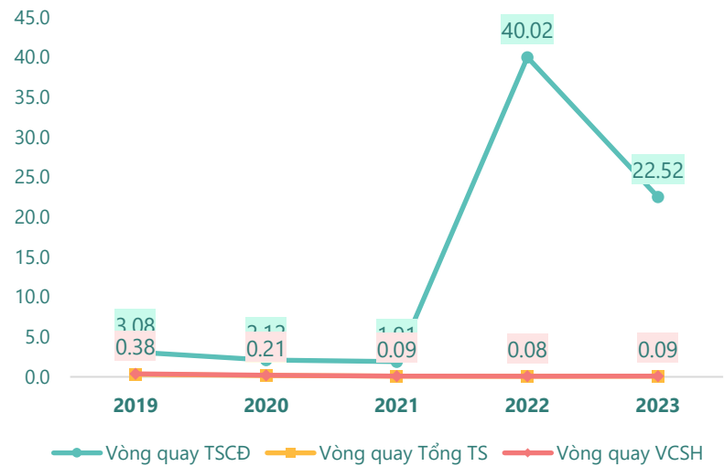
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



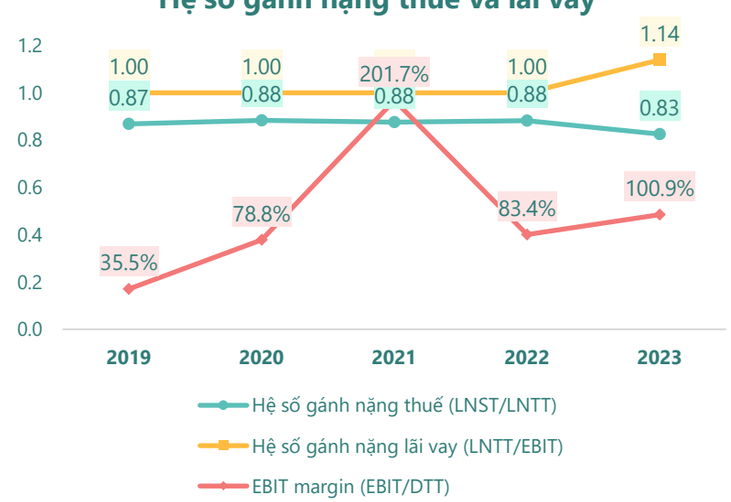
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



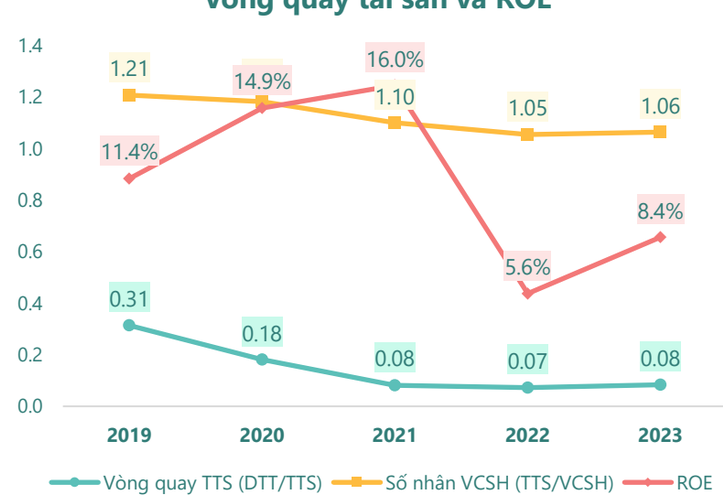
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



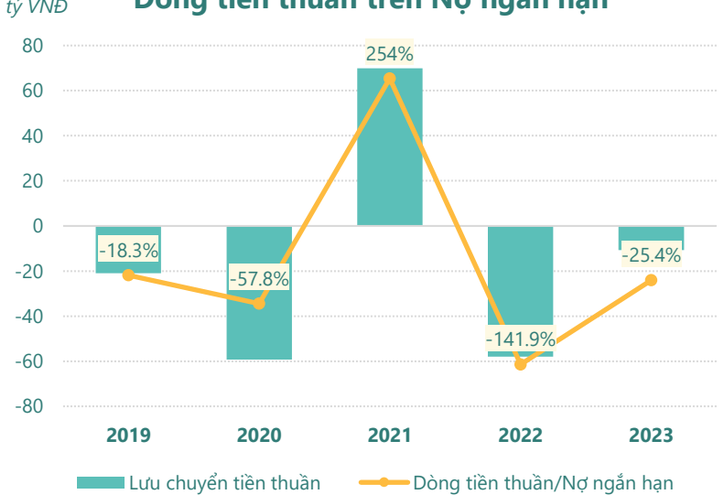
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q4/22	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**16.1**	**16.8**	**-4.0%**	**61.8**	**52.8**	**17.0%**
Giá vốn hàng bán	12.9	14.0	-7.6%	45.8	37.3	22.6%
Lợi nhuận gộp	3.19	2.76	15.5%	16.0	15.5	3.3%
Doanh thu HĐTC	9.74	13.7	-28.9%	38.3	40.1	-4.6%
Chi phí TC	0.00	4.64	-99.9%	-13.8	23.1	-160%
Chi phí lãi vay	0	0.00		-8.69	0	
LN trong công ty LKLD	**0.25**	**4.26**	**-94.2%**	**5.80**	**11.7**	**-50.2%**
Chi phí bán hàng	0.15	0.15	-2.8%	0.22	0.20	9.7%
Chi phí QLDN	**1.71**	**1.28**	**33.3%**	**6.56**	**5.48**	**19.7%**
LN thuần từ HĐKD	11.3	14.6	-22.5%	67.1	38.5	74.1%
Lợi nhuận khác	**1.09**	**1.07**	**2.0%**	**3.95**	**5.55**	**-28.8%**
LN trước thuế	12.4	15.7	-21.0%	71.0	44.1	61.2%
Lợi nhuận sau thuế	**10.5**	**14.1**	**-25.5%**	**58.6**	**38.9**	**50.8%**
LNST của CĐ cty mẹ	**10.5**	**14.1**	**-25.5%**	**58.6**	**38.9**	**50.8%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/22	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	15.1	51.7	-5.47	14.9	13.1	0.10
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	5.11	-53.2	16.6	-5.05	8.23	-32.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-20.7	0	-20.7	-0.02	0.02	0
Tiền đầu kỳ	19.3	18.8	17.4	7.87	17.7	39.1
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.46**	**-1.46**	**-9.51**	**9.87**	**21.4**	**-32.4**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0	0.00	0	0.00
Tiền cuối kỳ	18.8	17.4	7.87	17.7	39.1	6.70

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
TỔNG TÀI SẢN	**747**	**733**	**1.9%**
Tài sản ngắn hạn	512	506	1.2%
Tiền và tương đương tiền	6.70	17.4	-61.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	455	422	8.0%
Phải thu ngắn hạn	48.5	66.2	-26.8%
Hàng tồn kho	0.92	0.28	223%
Tài sản ngắn hạn khác	0.32	0.15	117%
Tài sản dài hạn	**235**	**227**	**3.5%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	2.96	2.53	16.7%
Bất động sản đầu tư	56.4	61.0	-7.6%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	169	162	4.5%
Tài sản dài hạn khác	**7.10**	**2.13**	**233%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	45.3	44.3	2.2%
Nợ ngắn hạn	**42.1**	**40.9**	**3.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	1.21	0.99	22.5%
Nợ dài hạn	3.22	3.48	-7.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**702**	**689**	**1.9%**
Vốn chủ sở hữu	**702**	**689**	**1.9%**
Vốn điều lệ	207	207	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)